

Số: /2022/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 6126/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, AT, App, Web;
- Lưu: VT, Tn (5).

CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Nguyễn Trường Nhật Phụng

QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các cấp;
- Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân cấp và chấp hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện phân cấp ngân sách

1. Thực hiện đúng quy định trong quản lý ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất, tập trung, hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, chính quyền các cấp. Đảm bảo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định đối với từng khoản thu được phân chia.

2. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương gắn với phân cấp quản lý nhà nước, phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của từng cấp ngân sách, đảm bảo công bằng, phát triển cân đối giữa các huyện, thị xã, thành phố.

3. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi của toàn tỉnh, hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố chưa cân đối được ngân sách và hỗ trợ các địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước. Ngân sách cấp huyện được phân cấp nguồn thu đảm bảo tính chủ động, khuyến khích khai thác các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, đảm bảo tự cân đối chi thường xuyên, từng bước tự cân đối chi thường xuyên và chi đầu tư đối với các địa phương có khả năng.

4. Việc ban hành và thực hiện chính sách mới phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp. Các huyện, thị xã,

thành phố phải tự cân đối, đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện các chính sách mới ban hành; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa tự cân đối chi thường xuyên sau khi sử dụng hết các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp khác theo quy định của các huyện, thị xã, thành phố.

5. Trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước, trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động, các khoản thu mà chưa được dự toán làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ, bổ sung cho ngân sách cấp huyện theo thẩm quyền.

6. Khi địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định để khắc phục; nếu vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp trên sẽ xem xét, hỗ trợ.

7. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Dương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025

1. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 2023 - 2025

(Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX kèm theo).

2. Phân cấp nhiệm vụ chi giai đoạn 2023 - 2025

(Phụ lục X kèm theo)

Phụ lục I
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do thành phố quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của	100%		

	doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	<i>* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất</i>		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp thành phố quản lý		100%	
	<i>* Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	<i>* Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%

21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	33%		
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10%	23%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý	10%	23%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành

ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục II
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA THÀNH PHỐ THUẬN AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do thành phố quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của	100%		

	doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	<i>* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất</i>		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	<i>* Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	<i>* Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%

21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29%	4%	
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động,

viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục III
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA THÀNH PHỐ DĨ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do thành phố quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp	100%		

	nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp thành phố quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%

21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29%	4%	
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục IV
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA THỊ XÃ TÂN UYÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do thị xã quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho thị xã do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp	100%		

	nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp thị xã quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp thị xã		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%

21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân thị xã quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5%	28%	
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục V
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA THỊ XÃ BẾN CÁT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do thị xã quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho thị xã do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp	100%		

	nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp thị xã quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp thị xã		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%

21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân thị xã quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15%	18%	
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục VI
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA HUYỆN PHÚ GIÁO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do huyện quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận	100%		

	sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%

22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	33%		
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục VII
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA HUYỆN DẦU TIẾNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do huyện quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận	100%		

	sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%

22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			
	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	33%		
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục VIII
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA HUYỆN BÀU BÀNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do huyện quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp	100%		

	nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			

	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	33%		
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động,

viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 21 được phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục IX
PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC
KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2023 – 2025
CỦA HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia các khoản thu NSNN		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách được hưởng 100%			
1	Thuế tài nguyên			
1.1	Thu từ khu vực kinh tế nhà nước (1) và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	100%		
1.2	Thu từ khu vực kinh tế dân doanh		100%	
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
4	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			100%
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
	- Trung ương cấp giấy phép (2)	30%		
	- Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép	100%		
6	Tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	100%		
7	Tiền thuê mặt đất, mặt nước			
	- Thu từ khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tiền thuê đất của các Khu công nghiệp	100%		
	- Từ các khu vực còn lại		100%	
8	Tiền sử dụng đất	100%		
	<i>* Trường hợp các khu đất do huyện quản lý và đấu giá thì mức hỗ trợ cho huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định từng trường hợp cụ thể, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.</i>			
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100%		
10	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương	100%		
11	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp	100%		

	nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu			
12	Lệ phí trước bạ			
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	- Cấp xã quản lý			100%
	* Riêng lệ phí trước bạ nhà, đất		80%	20%
13	Lệ phí môn bài			
	- Cấp tỉnh quản lý	100%		
	- Cấp huyện quản lý		100%	
	* <i>Riêng lệ phí môn bài thu từ hộ gia đình, cá nhân kinh doanh</i>		80%	20%
14	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan			
	- Phí thu từ các hoạt động của cơ quan nhà nước địa phương (3)	100%	100%	100%
	- Phí thu từ đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%		
	- Thu từ đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện		100%	
15	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)	100%	100%	100%
16	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện	100%	100%	100%
17	Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	100%	100%	100%
	* <i>Riêng thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất</i>	100%		
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý	100%	100%	100%
19	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho từng cấp ngân sách	100%	100%	100%
20	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách các cấp theo quy định của pháp luật	100%	100%	100%
21	Các khoản thu khác của các cấp ngân sách theo quy định	100%	100%	100%
22	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (4)			

	- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp	100%		
	- Ủy ban nhân dân huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp		100%	
23	Thu kết dư ngân sách các cấp	100%	100%	100%
24	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100%	100%	100%
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang	100%	100%	100%
26	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	100%	100%	
27	Thu huy động vốn đầu tư theo khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100%		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương			
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập từ doanh nghiệp			
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý	33%		
	- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	33%		
	- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		33%	
2	Thuế thu nhập cá nhân			
	- Trung ương và tỉnh quản lý	33%		
	- Cấp huyện quản lý		33%	
3	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	33%		

Ghi chú:

(1) Đối với số thu từ các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế dân doanh vẫn được tiếp tục xếp vào thành phần kinh tế nhà nước và thực hiện điều tiết số thu theo quy định.

(2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Chương II Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị định này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(3) Các khoản thu do cơ quan nhà nước địa phương thực hiện các khoản thu từ tài sản các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, các khoản huy động, viện trợ, thu khác, thu kết dư ngân sách các cấp... tại các Khoản từ 14 đến 22 được

phân chia theo phân cấp quản lý, cấp nào thu sẽ do ngân sách cấp đó hưởng 100%.

(4) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: theo quy định tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu Nghị quyết này có điều chỉnh thì thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Phụ lục X
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH
GIẢI ĐOẠN 2023 – 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nhiệm vụ chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi đầu tư phát triển			
	- Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý theo phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của tỉnh và phân chia theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2, Điều 38, Luật Ngân sách nhà nước	X	X	X
	- Đầu tư cho các dự án do địa phương quản lý từ nguồn thu bán đấu giá quyền sử dụng đất	X	X ¹	
	Hàng năm, các xã (không bao gồm phường, thị trấn) được bố trí kinh phí hỗ trợ để đầu tư cho các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025			X
	- Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	X		
	- Chi đầu tư phát triển còn lại	X		
	- Chi trả nợ gốc	X		
2	Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở từng cấp (tỉnh, huyện, xã) được phân cấp trong các lĩnh vực được quy định tại khoản 2, Điều 38, Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp quản lý của tỉnh.	X	X	X
	Trong đó: nhiệm vụ chi cho các Trạm chăn nuôi và Thú y (Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ)	X		
3	Chi trả nợ lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản do chính quyền địa phương vay	X		
4	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	X		
5	Dự phòng ngân sách	X	X	X
6	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	X	X	
7	Chi bổ sung cân đối ngân sách	X	X	
8	Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách	X	X	X

¹ Từ nguồn thu bán đấu giá quyền sử dụng đất do ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện.

9	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	x	x	x
10	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước	x	x	

Ghi chú: Dấu x: được phân cấp nhiệm vụ chi.